

Số: 782 /TB-BVNĐ1

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 16 tháng 11 năm 2018

THÔNG BÁO

Kết quả tự đánh giá Tiêu chí chất lượng bệnh viện Nhi đồng 1, năm 2018

Từ ngày 09/10/2018 đến ngày 11/10/2018, Bệnh viện Nhi đồng 1 đã tổ chức đoàn tự đánh giá chất lượng bệnh viện theo Bộ Tiêu chí chất lượng bệnh viện Việt Nam phiên bản 2.0 và hướng dẫn của Cục Quản lý khám, chữa bệnh tại Công văn số 1315/KCB-QLCL&ĐT ngày 24/10/2018. Giám đốc Bệnh viện thông báo kết quả tự đánh giá như sau:

1. Kết quả chung:

- Tổng số tiêu chí áp dụng: 79/83 (95,2%)
- Tổng số điểm đạt: 333
- Điểm trung bình: 4,22 (năm 2014: 3,68; năm 2015: 4,0; năm 2016: 4,01; năm 2017: 4,15).
- Phân tích theo các mức chất lượng và tiêu chí:

KẾT QUẢ CHUNG CHIA THEO MỨC	Mức 1	Mức 2	Mức 3	Mức 4	Mức 5	Tổng số tiêu chí
Số lượng tiêu chí đạt	0	2	13	30	34	79
Tỷ lệ các mức đạt được (%)	0	2.53	16.46	37.97	43.04	79

2. Điểm trung bình theo các nhóm của Bộ tiêu chí chất lượng:

- Phần A: Hướng đến người bệnh: 3,83 (năm 2015: 3,39; năm 2016: 3,33; năm 2017: 3,89).
- Phần B: Phát triển nhân lực: 4,00 (năm 2015: 4,00; năm 2016: 3,56; năm 2017: 4,00).
- Phần C: Hoạt động chuyên môn: 4,49 (năm 2015: 4,34; năm 2016: 4,40; năm 2017: 4,37).
- Phần D: Cải tiến chất lượng: 4,36 (năm 2015: 3,73; năm 2016: 4,20; năm 2017: 4,27)
- Phần E: Tiêu chí chuyên khoa: 3,00 (năm 2015: 5,00; năm 2016: 2,00; năm 2017: 2,00).

Các trưởng khoa, phòng thông báo kết quả cho toàn thể nhân viên tại giao ban khoa, phòng. Giao phòng Quản lý chất lượng thực hiện niêm yết kết quả đánh giá tại các bảng thông tin bệnh viện; Ban quản trị Website và phòng Công nghệ thông tin thông báo kết quả đánh giá trên Website bệnh viện./.

Nơi nhận:

- Giám đốc, các PGĐ;
- Phòng QLCL, CNTT, Quản trị Website (thực hiện);
- Các khoa, phòng;
- Lưu: VT, 01, QLCL, 45b.



Nguyễn Thanh Hùng

PHỤ LỤC:

Kết quả điểm đánh giá chất lượng chi tiết theo tiêu chí

(Kèm thông báo số 782 /TB-BVND1 ngày 16 /11/2018)

Mã số	Chỉ tiêu	2013	2014	2015	2016	2017	2018
A	PHẦN A. HƯỚNG ĐẾN NGƯỜI BỆNH (19)	3.01	3.18	3.31	3.33	3.68	3.83
A1	A1. Chỉ dẫn, đón tiếp, hướng dẫn, cấp cứu người bệnh (6)	3.33	3.50	3.83	4.00	4.50	4.50
A2	A2. Điều kiện cơ sở vật chất phục vụ người bệnh (5)	2.20	2.20	2.20	2.40	3.20	3.20
A3	A3. Môi trường chăm sóc người bệnh (2)	3.50	3.00	3.00	3.50	4.00	3.50
A4	A4. Quyền và lợi ích của người bệnh (6)	3.00	4.00	4.20	3.40	3.80	3.80
B	PHẦN B. PHÁT TRIỂN NGUỒN NHÂN LỰC BỆNH VIỆN (14)	3.23	3.75	4.06	3.56	4.00	4.00
B1	B1. Số lượng và cơ cấu nhân lực bệnh viện (3)	2.67	4.00	4.33	3.00	3.33	3.33
B2	B2. Chất lượng nguồn nhân lực (3)	3.00	4.00	4.67	4.00	4.67	4.67
B3	B3. Chế độ đãi ngộ và điều kiện, môi trường làm việc (4)	3.50	3.50	3.75	3.75	4.00	4.00
B4	B4. Lãnh đạo bệnh viện (4)	3.75	3.50	3.50	3.50	4.00	4.00
C	PHẦN C. HOẠT ĐỘNG CHUYÊN MÔN (35)	3.26	3.56	4.17	4.40	4.37	4.49
C1	C1. An ninh, trật tự và an toàn cháy nổ (2)	2.50	3.00	4.00	4.00	4.00	4.00
C2	C2. Quản lý hồ sơ bệnh án (2)	2.50	2.00	3.00	4.00	4.00	4.00
C3	C3. Ứng dụng công nghệ thông tin (2) (điểm x2)	3.50	3.50	3.00	4.50	3.50	3.50
C4	C4. Phòng ngừa và kiểm soát nhiễm khuẩn (6)	3.67	4.83	4.83	4.83	4.83	4.67
C5	C5. Năng lực thực hiện kỹ thuật chuyên môn (5) (điểm x2)	3.00	3.67	4.40	4.60	4.40	4.60

C6	C6. Hoạt động điều dưỡng và chăm sóc người bệnh (3)	3.00	3.60	4.67	5.00	5.00	5.00
C7	C7. Năng lực thực hiện chăm sóc dinh dưỡng và tiết chế (5)	3.20	3.40	4.60	4.00	4.20	4.60
C8	C8. Chất lượng xét nghiệm (2)	4.00	4.00	4.50	4.50	4.50	4.50
C9	C9. Quản lý cung ứng và sử dụng thuốc (6)	3.17	4.00	4.33	4.50	4.33	4.50
C10	C10. Nghiên cứu khoa học (2)	4.00	4.00	4.50	4.50	4	4.50
D	PHẦN D. HOẠT ĐỘNG CẢI TIẾN CHẤT LƯỢNG (11)	2.43	3.80	3.76	4.20	4.27	4.36
D1	D1. Thiết lập hệ thống và cải tiến chất lượng (3)	2.00	4.00	3.00	4.33	4.00	4.00
D2	D2. Phòng ngừa các sự cố khắc phục (5)	2.80	3.40	3.60	3.60	4.40	4.60
D3	D3. Đánh giá, đo lường, hợp tác và cải tiến chất lượng (3)	2.50	4.00	4.67	4.67	4.33	4.33
E	PHẦN E. TIÊU CHÍ ĐẶC THÙ CHUYÊN KHOA						
E2.1	Bệnh viện thiết lập hệ thống tổ chức chăm sóc nhi khoa	0	0	0	2.00	2.00	3.00

mil